

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa, được thành lập theo quyết định số 5614/QĐ/UBND ngày 07/10/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 31/03/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa ra Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500161922 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Đức Chính	Chủ tịch	
Ông Lê Duy Anh	Ủy viên	
Bà Đặng Thanh Thùy	Ủy viên	
Ông Lê Việt Bằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Đoàn Hương Sơn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Duy Anh	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thanh Thùy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hiền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Bà Đào Ngọc Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Hoàng Ân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt theo báo cáo kiểm toán số 06/2017/KT-AVHN-TC ngày 06/03/2017. Báo cáo kiểm toán này đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc Kiểm toán viên không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong năm 2017, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang đã được Công ty chuyển nhượng và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính tương ứng và không còn ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		255.640.069.964	138.186.753.316
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	121.649.680.346	29.481.772.129
111	1. Tiền		11.002.110.901	19.481.772.129
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.647.569.445	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.902.214.295	42.837.616.463
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	55.697.044.987	37.100.243.151
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.614.031.459	4.571.107.780
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.033.957.377	1.319.813.187
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(500.442.718)	(201.142.445)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		57.623.190	47.594.790
140	IV. Hàng tồn kho	9	59.675.549.831	64.640.502.547
141	1. Hàng tồn kho		59.675.549.831	64.640.502.547
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.412.625.492	1.226.862.177
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.412.625.492	549.285.396
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	677.576.781
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		113.206.867.263	179.265.532.897
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.806.001.482	58.526.377.479
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.806.001.482	58.526.377.479
220	II. Tài sản cố định		93.085.076.194	98.807.658.473
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	92.741.171.161	98.458.975.147
222	- Nguyên giá		255.094.468.878	241.519.229.981
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(162.353.297.717)	(143.060.254.834)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	343.905.033	348.683.326
228	- Nguyên giá		2.694.637.628	2.609.309.368
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.350.732.595)	(2.260.626.042)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	843.659.783
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	843.659.783
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	12.530.699.586	15.830.699.586
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.530.699.586	15.830.699.586
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.785.090.001	5.257.137.576
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.785.090.001	5.257.137.576
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		368.846.937.227	317.452.286.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.917.285.477	107.224.833.380
310	I. Nợ ngắn hạn		98.917.285.477	60.891.382.040
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.485.608.548	29.674.830.957
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	19.597.857.121	2.447.746.020
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.651.760.031	3.662.655.691
314	4. Phải trả người lao động		7.078.814.822	9.879.908.075
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	11.102.091.300	11.979.006.350
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	21.275.980.526	-
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.725.173.129	3.247.234.947
330	II. Nợ dài hạn		-	46.333.451.340
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	46.333.451.340
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		269.929.651.750	210.227.452.833
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	269.929.651.750	210.227.452.833
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.965.000.000	201.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.965.000.000	201.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.964.651.750	9.227.452.833
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		767.452.833	2.331.735.236
421b	LNST chưa phân phối năm nay		58.197.198.917	6.895.717.597
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		368.846.937.227	317.452.286.213

Nguyễn Văn Thu
Người lập

Nguyễn Văn Thu
Phụ trách phòng kế toán



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	379.168.672.748	362.746.840.685
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.779.883.351	3.788.740.399
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		374.388.789.397	358.958.100.286
11	4. Giá vốn hàng bán	22	295.422.828.097	282.260.519.364
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.965.961.300	76.697.580.922
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	101.133.394.806	54.221.823.941
22	7. Chi phí tài chính	24	601.563.612	958.155.325
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		79.150.904	54.960.907
25	8. Chi phí bán hàng	25	28.602.327.123	25.083.824.728
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.982.151.736	43.317.538.472
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.913.313.635	61.559.886.338
31	11. Thu nhập khác		85.048.545	1.294.947.545
32	12. Chi phí khác		97.554.404	26.253.039
40	13. Lợi nhuận khác		(12.505.859)	1.268.694.506
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		117.900.807.776	62.828.580.844
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	13.370.157.518	2.920.863.247
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>104.530.650.258</u>	<u>59.907.717.597</u>

(Handwritten signatures)

Nguyễn Văn Thu
Người lập

Nguyễn Văn Thu
Phụ trách phòng kế toán



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		117.900.807.776	62.828.580.844
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.659.748.262	19.944.401.624
03	- Các khoản dự phòng		299.300.273	(1.417.857.555)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.073.543	67.740.392
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(100.614.806.514)	(54.292.042.770)
06	- Chi phí lãi vay		79.150.904	54.960.907
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.326.274.244	27.185.783.442
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		25.227.649.118	58.612.431.446
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.964.952.716	6.874.957.760
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(37.251.303.998)	(102.850.195.321)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.452.367.262	14.255.143.627
14	- Tiền lãi vay đã trả		(79.150.904)	(54.960.907)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.180.320.131)	(157.946.888)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.962.808	368.568.624
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.287.933.158)	(57.152.183.038)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.793.502.043)	(52.918.401.255)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.969.240.997)	(23.196.515.804)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.239.452.735
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(176.700.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		225.313.075.343	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55.108.136.726	53.819.792.544
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		89.751.971.072	31.862.729.475
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		9.965.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		240.022.322.264	10.184.117.615
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(218.746.341.738)	(27.207.075.757)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.030.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25.210.980.526	(17.022.958.142)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		92.169.449.555	(38.078.629.922)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.481.772.129	67.622.491.763
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.541.338)	(62.089.712)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>121.649.680.346</u>	<u>29.481.772.129</u>



Nguyễn Văn Thu
Người lập



Nguyễn Văn Thu
Phụ trách phòng kế toán



Ce Duy Anh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa, được thành lập theo quyết định số 5614/QĐ/UBND ngày 07/10/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 31/03/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa ra Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500161922 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.965.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 210.965.000.000 đồng; tương đương 21.096.500 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nội thất.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ dùng kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân loại vào đâu (chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng bằng kim loại; cửa an toàn; kết sắt, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được, đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; đinh vít, bulong, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự);
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân loại vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang và thu được khoản lãi từ giao dịch này là 45,3 tỷ đồng. Chính vì vậy, doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016 làm cho kết quả kinh doanh trong năm 2017 cũng gia tăng tương ứng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh các mặt hàng nội thất
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh các mặt hàng nội thất

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 04	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	51.885.206	5.148.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.950.225.695	19.476.623.746
Các khoản tương đương tiền	110.647.569.445	10.000.000.000
	121.649.680.346	29.481.772.129

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	12.530.699.586	-	12.530.699.586	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang	-	-	3.300.000.000	-
	12.530.699.586	-	15.830.699.586	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội được thành lập và hoạt động tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nội thất ô tô. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội đều là 30%.

Trong năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nhuệ Giang và thu được khoản lãi từ giao dịch này là 45,3 tỷ đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 32.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	7.506.459.290	2.119.558.439
- Công ty Cổ phần Nội thất Xuân Hòa	7.351.137.218	3.831.763.762
- Công ty TNHH Ngọc Liên Vĩnh Phúc	4.935.857.465	2.275.190.812
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Xuân Phú	3.313.196.202	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.590.394.812	28.873.730.138
	55.697.044.987	37.100.243.151
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.506.459.290	2.119.558.439
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.		

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần nội thất Xuân Hòa	7.500.000.000	-	-	-
Công ty CP thiết bị và chuyển giao công nghệ GMT Việt Nam	1.497.526.049	-	961.260.927	-
Trả trước cho người bán khác	4.616.505.410	-	3.609.846.853	-
	13.614.031.459	-	4.571.107.780	-

7 . PHẢI THU KHÁC

a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	193.594.445	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	21.158.523	-	59.410.259	-
Tạm ứng	820.688.506	-	746.065.465	-
Ký cược, ký quỹ	2.782.799.500	-	323.006.600	-
Phải thu khác	215.716.403	-	191.330.863	-
	4.033.957.377	-	1.319.813.187	-

b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội (*)	3.806.001.482	-	50.139.452.822	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quân Anh	-	-	8.386.924.657	-
	3.806.001.482	-	58.526.377.479	-

(*): Đây là giá trị đánh giá tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết (Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội) căn cứ theo Báo cáo tài chính của công ty liên kết cho giai đoạn từ 31/03/2014 đến 31/03/2015 đã được kiểm toán và được phê duyệt tại quyết định số 1327/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH một thành viên Nội thất Xuân Hòa thành Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam và chi phí cổ phần hóa.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thăng Phát	363.349.696	109.004.909	363.349.696	181.674.848
- Công ty TNHH đầu tư TM Vân Hải Phong	318.032.495	159.016.248	299.106.097	299.106.097
- Các khoản khác	192.865.459	105.783.775	42.380.794	22.913.197
	874.247.650	373.804.932	704.836.587	503.694.142

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	419.095.320	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.825.227.086	-	28.515.049.108	-
Công cụ, dụng cụ	348.574.081	-	344.668.580	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.632.938.038	-	20.969.141.801	-
Thành phẩm	2.752.207.547	-	13.484.627.128	-
Hàng hoá	1.116.603.079	-	907.920.610	-
	59.675.549.831	-	64.640.502.547	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.609.309.368	-	2.609.309.368
- Mua trong năm	-	134.052.500	134.052.500
- Thanh lý, nhượng bán	(48.724.240)	-	(48.724.240)
Số dư cuối năm	2.560.585.128	134.052.500	2.694.637.628
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.260.626.042	-	2.260.626.042
- Khấu hao trong năm	138.542.508	288.285	138.830.793
- Thanh lý, nhượng bán	(48.724.240)	-	(48.724.240)
Số dư cuối năm	2.350.444.310	288.285	2.350.732.595
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	348.683.326	-	348.683.326
Tại ngày cuối năm	210.140.818	133.764.215	343.905.033

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	80.077.625.554	145.278.874.421	11.629.198.174	4.533.531.832	241.519.229.981
- Mua trong năm	-	11.554.936.944	295.524.281	-	11.850.461.225
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.984.727.272	-	-	-	1.984.727.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(259.949.600)	(259.949.600)
Số dư cuối năm	82.062.352.826	156.833.811.365	11.924.722.455	4.273.582.232	255.094.468.878
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.192.451.855	95.727.740.340	5.681.016.834	3.459.045.805	143.060.254.834
- Khấu hao trong năm	5.170.044.188	12.570.202.280	1.366.625.868	414.045.133	19.520.917.469
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(227.874.586)	(227.874.586)
Số dư cuối năm	43.362.496.043	108.297.942.620	7.047.642.702	3.645.216.352	162.353.297.717
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	41.885.173.699	49.551.134.081	5.948.181.340	1.074.486.027	98.458.975.147
Tại ngày cuối năm	38.699.856.783	48.535.868.745	4.877.079.753	628.365.880	92.741.171.161

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.094.568.374 đồng.



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	629.388.379	488.640.346
Chi phí làm biển quảng cáo	708.061.364	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	75.175.749	60.645.050
	<u>1.412.625.492</u>	<u>549.285.396</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.051.374.139	781.108.792
Lợi thế kinh doanh	-	3.666.267.159
Chi phí sửa chữa tài sản	979.624.299	-
Tiền thuê đất	713.552.321	809.761.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	40.539.242	-
	<u>3.785.090.001</u>	<u>5.257.137.576</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty cổ phần thép và vật tư Công ty TNHH Ông Thép 190 Công Ty TNHH Hoàng Vũ	2.866.197.045	2.866.197.045	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.876.532.791	1.876.532.791	-	-
	-	-	1.712.489.815	1.712.489.815
	18.742.878.712	18.742.878.712	27.962.341.142	27.962.341.142
	<u>23.485.608.548</u>	<u>23.485.608.548</u>	<u>29.674.830.957</u>	<u>29.674.830.957</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	707.017.844	9.426.782.626	7.624.131.073	-	2.509.669.397
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	254.600.364	254.600.364	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.920.863.247	13.370.157.518	5.180.320.131	-	11.110.700.634
Thuế Thu nhập cá nhân	-	34.774.600	721.409.942	724.794.542	-	31.390.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	7.325.773.675	7.325.773.675	-	-
Các loại thuế khác	677.576.781	-	677.576.781	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	22.440.945	22.440.945	-	-
	677.576.781	3.662.655.691	31.798.741.851	21.132.060.730	-	13.651.760.031

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty cổ phần nội thất và thiết bị kỹ thuật Hà Nội	14.000.000.000	-
Ông Trần Văn Hải	2.374.161.349	-
Các đối tượng khác	3.223.695.772	2.447.746.020
	19.597.857.121	2.447.746.020

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.014.800	1.800.100
- Kinh phí công đoàn	193.123.070	182.386.609
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân cho người lao động	131.575.453	-
- Phải trả về thương đại lý	2.173.935.117	1.492.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.594.442.860	10.302.819.641
	11.102.091.300	11.979.006.350
b) Dài hạn		
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (*)	-	46.333.451.340
	-	46.333.451.340

(*): Đây là khoản phải trả Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa tại thời điểm ngày 01/07/2014. Theo đó, cho phép không tính tăng phần lợi nhuận chưa phân phối tại Công ty Liên doanh TNHH Toyota Boshoku là 99.345.451.340 đồng vào vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Công ty cổ phần có trách nhiệm theo dõi thu hồi khoản lợi nhuận này từ nguồn lợi nhuận được chi hàng năm của liên doanh. Trong năm 2016 và năm 2017, Công ty đã sử dụng nguồn lợi nhuận được chia từ bên liên doanh để trả cho Ủy ban nhân dân thành phố số tiền lần lượt là 53.012.000.000 đồng và 46.333.415.340 đồng.

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	42.046.341.738	42.046.341.738	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Quân Anh	-	-	176.700.000.000	176.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	-	-	21.275.980.526	-	21.275.980.526	21.275.980.526
	-	-	240.022.322.264	218.746.341.738	21.275.980.526	21.275.980.526

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

(*): Hợp đồng tín dụng số 130-000-890606 ngày 06 tháng 12 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh, phát hành thư tín dụng trả ngay, phát hành thư tín dụng trả chậm, rút vốn để thanh toán L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất điều chỉnh;
- + Số dư tại ngày 31/12/2017 là: 21.275.980.526 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không áp dụng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	201.000.000.000	2.331.735.236	203.331.735.236
Lãi trong năm trước	-	59.907.717.597	59.907.717.597
Giảm khác	-	(53.012.000.000)	(53.012.000.000)
Số dư cuối năm trước	201.000.000.000	9.227.452.833	210.227.452.833
Số dư đầu năm nay	201.000.000.000	9.227.452.833	210.227.452.833
Tăng vốn trong năm nay	9.965.000.000	-	9.965.000.000
Lãi trong năm nay	-	104.530.650.258	104.530.650.258
Phân phối lợi nhuận	-	(8.460.000.000)	(8.460.000.000)
Giảm khác (*)	-	(46.333.451.341)	(46.333.451.341)
Số dư cuối năm nay	210.965.000.000	58.964.651.750	269.929.651.750

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/CPXH ngày 27 tháng 03 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo tài chính toàn Công ty	100,00%	11.579.294.752
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,32%	500.000.000
Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	16,67%	1.930.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 3% vốn điều lệ)	52,08%	6.030.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	26,94%	3.119.294.752

(*): Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/CPXH ngày 27 tháng 03 năm 2017, Công ty thanh toán số tiền còn phải trả Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết xem thuyết minh số 16).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần VAC Việt Nam	25,72%	54.270.000.000	27,00%	54.270.000.000
Ông Đoàn Hương Sơn	11,89%	25.073.230.000	11,53%	23.183.230.000
Bà Bùi Thị Hiền	13,67%	28.832.480.000	14,34%	28.832.480.000
Các cổ đông khác	48,72%	102.789.290.000	47,12%	94.714.290.000
	100%	210.965.000.000	100%	201.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.965.000.000	201.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	201.000.000.000	201.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	9.965.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	210.965.000.000	201.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.030.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.030.000.000	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

d) Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.096.500	20.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.096.500	20.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.096.500	20.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.096.500	20.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.096.500	20.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	39.388,97	269.192,82
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	378.748.609.525	360.234.571.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	420.063.223	2.512.268.917
	<u>379.168.672.748</u>	<u>362.746.840.685</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	<u>18.402.952.150</u>	<u>24.151.411.096</u>
21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.427.971.154	2.398.734.196
Hàng bán bị trả lại	351.912.197	1.390.006.203
	<u>4.779.883.351</u>	<u>3.788.740.399</u>
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	295.422.828.097	281.887.337.837
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.992.181.527
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.619.000.000)
	<u>295.422.828.097</u>	<u>282.260.519.364</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.833.731.171	807.792.544
Lãi bán các khoản đầu tư	45.313.075.343	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.468.000.000	53.012.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.510.788	402.031.397
Lãi công nợ vượt hạn mức thu của đại lý	483.077.504	-
	101.133.394.806	54.221.823.941

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	79.150.904	54.960.907
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	494.585.458	670.713.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.860.105	232.480.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.073.543	-
Chi phí tài chính khác	7.893.602	-
	601.563.612	958.155.325

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	480.048.195	528.041.870
Chi phí nhân công	6.114.009.000	4.245.439.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	563.115.225	606.636.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.133.538.869	8.688.230.512
Chi phí khác bằng tiền	16.311.359.884	11.011.921.906
Chi phí bảo hành	255.950	3.554.000
	28.602.327.123	25.083.824.728

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	710.940.388	1.040.189.472
Chi phí nhân công	15.038.149.131	18.398.045.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.578.314.549	2.934.372.540
Thuế, phí, lệ phí	1.443.570.214	3.216.788.491
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	299.300.273	201.142.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.581.954	322.161.332
Chi phí khác bằng tiền	11.755.295.227	17.204.838.592
	32.982.151.736	43.317.538.472

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH TOÀN CÔNG TY

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	119.815.632.834	67.008.164.484
Các khoản điều chỉnh tăng	503.154.757	608.151.750
- Chi phí không hợp lệ	503.154.757	608.151.750
Các khoản điều chỉnh giảm	(53.468.000.000)	(53.012.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(53.468.000.000)	(53.012.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	66.850.787.591	14.604.316.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	13.370.157.518	2.920.863.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.920.863.247	157.946.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.180.320.131)	(157.946.888)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.110.700.634	2.920.863.247

(*): Bao gồm lợi nhuận kế toán trước thuế của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam và Chi nhánh Hà Nội, cụ thể:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	117.900.807.776	62.828.580.844
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	1.914.825.058	4.179.583.640
	119.815.632.834	67.008.164.484

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215.603.071.330	220.288.028.052
Chi phí nhân công	50.506.014.053	53.217.550.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.659.748.262	19.944.401.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.685.340.860	26.226.370.366
Chi phí khác bằng tiền	29.191.721.766	29.593.163.958
	333.645.896.270	349.269.514.550

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.649.680.346	-	-	121.649.680.346
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.230.559.646	3.806.001.482	-	63.036.561.128
	180.880.239.992	3.806.001.482	-	184.686.241.474
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.481.772.129	-	-	29.481.772.129
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.218.913.893	58.526.377.479	-	96.745.291.372
	67.700.686.022	58.526.377.479	-	126.227.063.501

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	21.275.980.526	-	-	21.275.980.526
Phải trả người bán, phải trả khác	34.587.699.848	-	-	34.587.699.848
	55.863.680.374	-	-	55.863.680.374
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	41.653.837.307	46.333.451.340	-	87.987.288.647
	41.653.837.307	46.333.451.340	-	87.987.288.647

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, Công ty đã công bố ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông nhận tạm cổ tức bằng tiền mặt là ngày 26/01/2018, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 25 tháng 01 năm 2018. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt là 2.500 đồng/cổ phiếu căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ/NQ ngày 16 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng nội thất và chi hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng		18.402.952.150	24.151.411.096
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Công ty liên kết	18.402.952.150	24.099.536.740
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Đơn vị trực thuộc	-	51.874.356

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		7.506.459.290	2.119.558.439
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Công ty liên kết	7.506.459.290	2.119.558.439
Phải thu khác		3.806.001.482	50.139.452.822
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Công ty liên kết	3.806.001.482	50.139.452.822
Phải trả khác		3.071.944.330	1.071.944.330
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Đơn vị trực thuộc	3.071.944.330	1.071.944.330

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.974.424.948	3.656.258.945
- Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.108.786.000	1.152.185.468



33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.



Nguyễn Văn Thu
Người lập



Nguyễn Văn Thu
Phụ trách phòng kế toán



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2018